

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2022/HS-ST
Ngày: 30-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sang;

Thẩm phán thành viên: Ông Trương Văn Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cương;

Ông Huỳnh Văn Diễm;

Ông Võ Đức Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 30 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 79/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Thị Đ (tên gọi khác là Bé N), sinh năm 1986 tại tỉnh Nam Định; nơi thường trú: ấp T, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; nghề nghiệp: buôn bán; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ (chết) và bà Đỗ Thị L (chết); bị cáo có chồng là ông Nguyễn Văn Đ (đã ly hôn) và 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 01/10/2018 đến nay, bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Đ: Ông Nguyễn Văn T – Luật sư Văn phòng Luật sư N– Chi nhánh T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973; cư trú tại: thôn 9, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1975; cư trú tại: thôn 9, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Cao Thị B, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp Liên Hiệp 1, xã X, huyện C, tỉnh B, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bà Cao Thị L, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp L, xã X, huyện C, tỉnh B, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1968 tại tỉnh Thanh Hóa – Đang chấp hành án tại Trại giam An Phước - Cục C10 - Bộ Công an, có mặt.

4. Bà Đinh Thị L, sinh năm 1977 tại tỉnh Nam Định – Đang chấp hành án tại Trại giam An Phước - Cục C10 - Bộ Công an, có mặt.

5. Ông Lê Duy K, sinh năm 1974 tại tỉnh Thanh Hóa – Đang chấp hành án tại Trại giam An Phước - Cục C10 - Bộ Công an, có mặt.

6. Công ty Cổ phần Intimex M; địa chỉ: Lô D-8E-CN, khu công nghiệp Mỹ Phước 3, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

7. Bà Trần Thị M, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp Bình Thắng, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người làm chứng:* ông Lê Thành Đ, sinh năm 1991.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Duy K và Đinh Thị L sống chung như vợ chồng và có 01 con chung. Trần Thị Đ, Nguyễn Hữu Thủy, Lê Duy K và Đinh Thị L, Lê Thị Nguyệt H, Trần Thị M có mối quan hệ quen biết và mua bán nông sản với nhau tại địa bàn tỉnh Bình Phước.

Đến tháng 12 năm 2017, Đ, T, K, L, H, M cùng nhau mua nông sản và lợi dụng sự mất cảnh giác của những người bán nông sản Đ, T, K, L, H, M phân công nhau chuẩn bị trước tiền để chi phí, thuê kho, xe tải, bốc xếp khi các bị hại giao hàng xong thì tìm mọi cách tách chủ hàng và hàng hóa của họ ra để cho bốc xếp đưa hàng lên xe đưa đi ngay. Đưa bị hại ra xa nơi xuống hàng để nhận số tiền ít hơn nhiều số tiền hàng, dẫn đi ăn uống để chờ lấy tiền nhằm kéo dài thời gian để bốc hàng, lẩn tránh và cắt liên lạc với bị hại chiếm đoạt tài sản.. . Với cách thức như trên, từ cuối năm 2017 đến tháng 4 năm 2018, Trần Thị Đào, Nguyễn Hữu Thủy, Đinh Thị L, Lê Duy K, Lê Thị Nguyệt H, Trần Thị M đã cùng nhau thực hiện liên tiếp 06 vụ lừa đảo mua bán nông sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương và chiếm đoạt tiền của các bị hại cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất:

Ông Đinh Tiến D có mở đại lý mua bán nông sản tại nhà mặt đường Quốc lộ 14 thuộc Thôn 8, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, trên bảng hiệu tại nhà có ghi số điện thoại để khách hàng liên hệ. Ông D đã bán cà phê cho Trần Thị M hai lần như sau:

1.1. Lần thứ nhất: trước ngày 15/12/2017, Lê Duy K và Đinh Thị L tìm được kho cho thuê tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, kho này của ông Vũ Văn H (sinh

năm 1961, hộ khẩu thường trú: phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương). K, L kêu M đứng tên thuê kho với giá 20.000.000 đồng/1tháng. Sau đó, Trần Thị M xưng tên là T sử dụng điện thoại số 0901.111.288 gọi cho ông Dũng đặt mua 22 tấn cà phê. Đồng thời K và L cũng thuê xe tải, bốc vác để bốc hàng và đưa hàng đi tiêu thụ.

Ngày 15/12/2017, ông D thuê ô tô chở 22.630kg cà phê với giá 37.500 đồng/kg, đến kho tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương giao cho M. Khi ông D đến giao hàng, Kiều kiểm tra hàng và điện thoại cho Nguyễn Hữu T đến để trả tiền hàng. Khi T đến nơi thì xe hàng đã xuống xong, K kêu hủy đưa 700.000.000 đồng cho K. K nhận tiền rồi đưa cho M trả cho ông D 700.000.000 đồng và thiếu lại số tiền 144.875.000 đồng, M nói bữa sau chở tiếp 01 chuyến nữa sẽ thanh toán đầy đủ. Ông D tin tưởng lời M nên cho thiếu lại 144.875.000 đồng và đi về.

Đến ngày 18/12/2017, Đinh Thị L (còn gọi là V) bán số lượng cà phê trên cho Công ty H, Đắc Nông (Công ty Hiếu Láng) với giá 37.000đồng/kg thành tiền được 825.211.000 đồng thỏa thuận giao hàng tại Công ty Cổ phần Intimex M (địa chỉ: Lô D-8E-CN Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương). Nguyễn Hữu T là người trực tiếp giao hàng. Cùng ngày, Công ty H chuyển số tiền mua hàng từ tài khoản số 050080779779 vào tài khoản số 050033365354 của Đinh Thị Lĩnh tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (Sacombank) Chi nhánh Bình Phước.

1.2. Lần thứ hai:

Mấy ngày sau khi mua xe thứ nhất, Trần Thị M tiếp tục điện thoại cho ông Dũng đặt mua 20 tấn cà phê, với giá 37.500 đồng/kg. Để thực hiện việc mua bán, Lê Duy K và Đinh Thị Lĩnh tìm được kho tại ấp 4, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương của bà Ban Thị N (sinh năm 1987, hộ khẩu thường trú: khu phố 5, phường Phú Lợi, thành phố T, tỉnh Bình Dương) rồi kêu Nguyễn Hữu T đứng tên ký hợp đồng thuê kho vào ngày 22/12/2017 với giá 10.000.000 đồng/1tháng.

Đến khoảng 12 giờ ngày 26/12/2017, ông D cùng với Trần Lý L (sinh năm 1988, hộ khẩu thường trú: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước) là tài xế xe tải biển số 93C – 064.27 chở cà phê từ Bình Phước đến xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương giao hàng cho M. Lê Duy K đứng ra kiểm tra hàng. Sau đó, K điều khiển xe ô tô innova biển số 61A – 122.57 chở Mận dẫn đi cân trọng tải hàng và xe, xác định trọng lượng hàng là 19.960 kg cà phê với giá 37.500 đồng/kg thành tiền 746.250.000 đồng. Trong khi giao nhận hàng thì Kiều gọi điện cho T đến kho hàng. Thủy điều khiển xe ô tô bán tải biển số 47C – 121.63 của T đến nằm văng chờ tại quán nước ở bên cạnh kho.

Sau khi giao hàng tại kho xong, M (Thảo) mời ông D và ông L đi ăn cơm trưa, T đi lại đóng cửa kho hàng. Do tin tưởng M nên ông D cùng với L đi ăn cơm với M và K. Theo như bàn bạc trước, trong lúc ông Dũng, Liễm ăn cơm với Mận và Kiều thì T và L cho người bốc xếp số cà phê trên lên xe ô tô thuê sẵn chở đi.

Khi ăn cơm xong, M kêu K về nhà lấy tiền giao trả cho ông D. K quay lại kho kêu Thủy đưa 240.000.000 đồng để trả tiền cho ông D. Khoảng hơn 02 giờ sau, Kiều đem tiền đến quán cơm đưa cho M. M vừa đưa cho ông D 240.000.000 đồng vừa đi lên xe cùng với K. M nói D về đi, số tiền còn lại đến chiều sẽ chuyển khoản. Ông D nghi ngờ nên cùng L điều khiển xe ô tô đuổi theo nhưng không kịp. Ông D quay lại kho hàng thì phát hiện số cà phê vừa giao tại kho đã được chuyển đi hết, ông D gọi

điện cho M đòi tiền hàng, M không quay lại và hẹn hôm sau trả tiền. Sau đó, D nhiều lần gọi điện đòi tiền Mận nhưng Mận khất lần và cắt liên lạc với D.

Số hàng chiếm đoạt được ngày 27/12/2017, Đinh Thị L (Vân) liên hệ trực tiếp bán cà phê cho Công ty H, Đắc Nông (Công ty Hiếu Láng) với giá 36.225 đồng/kg, thành tiền được 721.243.000 đồng và giao hàng tại Công ty Cổ phần Intimex Mỹ Phước (địa chỉ: Lô D-8E-CN khu công nghiệp Mỹ Phước 3, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương). Công ty Hiếu Láng chuyển tiền từ tài khoản số 050080779779 vào tài khoản số 050033365354 của Đinh Thị L tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) Chi nhánh Bình Phước hai lần: lần thứ nhất vào ngày 26/12/2017, số tiền 600.000.000 đồng (L ứng trước); lần thứ 2 vào ngày 27/12/2017, số tiền 121.243.000 đồng. Tổng số tiền Đinh Thị L nhận được do bán cà phê của ông Đinh Tiến Dũng là 1.546.454.000 đồng. Số tiền này, L cho Mận 35.000.000 đồng, trả cho Thủy 940.000.000 đồng là tiền chi phí bỏ ra (thông qua việc cần trừ lô hàng khác mà T và L chung nhau mua bán trước đó) số tiền còn lại là 611.454.000 đồng L và Kiều sử dụng hết. Ngày 24/01/2018, Đinh Tiến D đến Công an xã V tố giác hành vi của Trần Thị Mận cùng đồng bọn để cơ quan chức năng xử lý.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 69/KLTS-TTHS ngày 15/3/2018, Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã T xác định: cà phê đã phơi khô có giá trị là 35.000 đồng/kg. Như vậy, tổng hai lần ông Dũng giao cho Mận và đồng bọn (Nguyễn Hữu T, Đinh Thị L, Lê Duy K) số cà phê 42.590kg, trị giá 1.490.000.000 đồng. M trả cho ông D số tiền 940.000.000 đồng. Chiếm đoạt số lượng cà phê trị giá 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng).

Xe ô tô Innova biển số 61A – 122.57 là của ông Phạm Hữu H (sinh năm 1978, hộ khẩu: 25/10 Nguyễn Văn L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương). K thuê xe của ông H tự lái với giá 700.000 đồng/01 ngày.

2. Vụ thứ hai:

Bà Đào Thị H mở Công ty TNHH MTV Liên Anh (Công ty Liên Anh, trụ sở tại địa chỉ: phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước), trên biển hiệu của doanh nghiệp có ghi số điện thoại để khách hàng liên hệ. Bà H đã bán hạt tiêu cho Trần Thị M hai lần như sau:

2.1. Lần thứ nhất:

Tháng 01/2018, M liên hệ với ông Cao Danh T (sinh năm 1973, hộ khẩu thường trú: thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam) thuê kho của ông Trường ở ấp 5, xã V, thị xã T, Bình Dương, đến ngày 14/01/2018 Huyền ký hợp đồng thuê kho với ông Trường với giá 15.000.000 đồng/1 tháng.

Ngày 24/01/2018, Trần Thị M xưng tên là T sử dụng số điện thoại 0901.111.288 gọi cho bà H đặt mua hạt tiêu. Sau khi thỏa thuận, bà H chở hạt tiêu từ Bình Phước đến kho hàng tại ấp 5, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương để bán cho M số lượng khoảng 09 tấn hạt tiêu giá 68.600 đồng/kg thành tiền 617.400.000 đồng. Thảo kêu Nguyễn Hữu T đưa 560.000.000 đồng để trả tiền hàng và thiếu lại 57.400.000 đồng. Đến ngày 26/01/2018, T chuyển khoản cho bà H 60.000.000, dư 2.600.000 đồng.

2.2. Lần thứ hai:

Đến ngày 02/02/2018, Trần Thị M tiếp tục dùng số điện thoại 0901.111.288 để liên lạc với bà H đặt mua 20 tấn hạt tiêu với giá 71.500 đồng/kg và kêu bà H giao hạt tiêu tại kho ở ấp 5, xã V (kho đã giao hàng lần đầu) và sẽ trả đủ tiền khi nhận hàng. Khoảng 09 giờ ngày 03/02/2018, bà H cùng tài xế tên Huỳnh Viết T (sinh năm 1979, hộ khẩu thường trú: phường Hùng C, thị xã B, tỉnh Bình Phước) và phụ xe Nguyễn Minh Phúc (sinh năm 1997, hộ khẩu thường trú: xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai) điều khiển xe tải biển số 93C – 050.00 chở 20.340kg hạt tiêu xuống Bình Dương bán cho M. Đến trạm cân tại ấp 4, xã V, thị xã T, bà H gặp M rồi đưa xe vào cân trọng tải. Cân xong, bà H đưa xe đến kho tại ấp 5, xã V, thị xã T để xuống hàng. Khi đến kho thì có M, Lê Thị Nguyệt H (còn gọi là Nguyệt) và một số bốc vác đợi sẵn. Huyền dẫn xe vào kho để xuống hàng, sau đó Mẫn dẫn xe đi cân xác xe để về tính tiền với bà Hoa. Huyền đóng cửa kho rồi mời bà H ra quán kể bên kho uống nước rồi bỏ đi trước. Cân xe xong, Mẫn về kho tính tiền với bà H trọng lượng là 20.340kg giá 71.500 đồng/kg, thành tiền 1.454.310.000 đồng. M không trả tiền mà kêu bà Hoa đợi một chút để M đi dẫn xe khác vào giao hàng. M bỏ đi đến quán cà phê gần ngã ba B, xã P, huyện P để lần tránh.

Đến khoảng 11 giờ 30 phút, bà H gọi cho M thì Mẫn kêu đợi và nói dối có người đem tiền trả. Bà H chờ đến khoảng 12 giờ 30 phút thì tiếp tục gọi điện thoại cho M thì M hướng dẫn bà H đi ra khu vực khu du lịch Đại Nam để lấy tiền. Bà H cùng tài xế chạy xe tải ra khu du lịch Đại Nam để nhận tiền và kêu Phúc ở lại kho trông coi hàng hóa. Khi tới nơi, bà H điện thoại cho M thì M tiếp tục kêu bà H đợi.

Do bà H kêu Phúc ở lại trông hàng nên M không thể cho xe tải vô bốc hàng được, Mẫn điện thoại cho Nguyễn Hữu T đến kho chở 10 bao tiêu và thuê ông Lê Hoàng Anh T (sinh năm 1978, HKTT: khu Đức Lập, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước) là người chạy xe ôm mang chìa khóa kho từ chỗ M ở ngã ba Bó Lá đến kho ở Vĩnh Tân cho Nguyễn Hữu T để T mở kho, T điều khiển xe bán tải 47C – 121.63 của Thủy đến kho, kêu 05 người bốc vác chất 10 bao tiêu trong kho lên xe chở về Bình Phước. Thấy có người chở tiêu đi, Phúc điện thoại báo cho bà H biết bà H kêu Phúc cản lại, P kêu đồng người không cản được thì bà Hoa kêu P chụp hình nên Phúc chụp hình T và một số đối tượng đang bốc hàng lên xe. Bà H quay lại kho kiểm tra thì phát hiện mất 10 bao tiêu mỗi bao 70kg.

Bà H điện thoại cho M hỏi lý do vì sao chưa trả tiền mà chở hàng đi thì M nói số hạt tiêu vừa mua đã bán cho người khác và hẹn đến tối sẽ trả tiền. Bà H ở tại kho hàng tiếp tục đợi M. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, H điều khiển xe ô tô biển số 61A – 245.22 đến kho thì chị H hỏi lý do không trả tiền mà bốc hàng đi thì Huyền nói hàng đã mua và trả tiền cho T nên bốc hàng đi, còn việc mua bán giữa chị Hoa và T thì H không biết rồi bỏ đi. Đến sáng ngày 04/02/2018, bà Hoa tiếp tục liên lạc với Mẫn nhưng không liên lạc được. Biết bị lừa nên bà Hoa đến Công an xã V tố giác hành vi của Trần Thị M cùng đồng bọn để cơ quan chức năng xử lý và làm đơn xin lại số hạt tiêu còn lại trong kho. Số hạt tiêu chiếm đoạt được, khoảng 1 tuần sau Trần Thị M kêu Nguyễn Hữu T bán được số tiền khoảng 43.000.000 đồng, tiền có được T và M sử dụng hết.

Kết luận định giá số: 68/KLTS-TTHS ngày 12/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản thuộc UBND thị xã T xác định hạt tiêu đã phơi khô có giá là 65.000

đồng/1kg. Như vậy, M và đồng bọn (Nguyễn Hữu T, Lê Thị Nguyệt H (Mai, N) chiếm đoạt 700kg tiêu của bà H trị giá 45.500.000 đồng (bốn mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Xe ô tô biển số 61A – 245.22 của ông Phạm Hữu H (sinh năm 1978, HKTT: 25/10 Nguyễn Văn Lên, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương). Xe ông Hoàng cho thuê tự lái với giá 700.000 đồng/1 ngày.

3. Vụ thứ ba:

Vào khoảng tháng 12/2017, bà Châu Thị Quỳnh L (Út) được bạn làm ăn là ông Nguyễn Ngọc T (khu phố 3, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước) giới thiệu người có tên là Nguyệt (Lê Thị Nguyệt H, sinh năm 1969, hộ khẩu thường trú: phường L, thị xã Phước L, tỉnh Bình Phước) có nhu cầu mua đậu nành với số lượng lớn. Sau một thời gian bà Liễu sử dụng số điện thoại 0166.2323708 của mình thỏa thuận mua bán với Huyền qua số điện thoại của H là 0971.840.427 thì H đồng ý mua của bà Liễu 40 tấn đậu nành với giá 14.000 đồng/1kg. Bà Liễu đã bán đậu nành Lê Thị Nguyệt H hai lần như sau:

3.1. Lần thứ nhất:

Khoảng 16 giờ ngày 09/01/2018, bà Liễu thuê xe tải biển số 93C – 095.51, tài xế Vũ Văn H (sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú: thôn 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước) chở hơn 10 tấn đậu nành từ Bình Phước đến khu vực Công Xanh, thuộc xã Tân Bình, huyện B, tỉnh Bình Dương để giao cho H. Đến nơi, H kêu chờ đến khoảng 20 giờ cùng ngày, H hướng dẫn đến kho hàng của H tại ấp 1, xã Tân Bình, huyện B, tỉnh Bình Dương (kho do Trần Thị M thuê của ông Vũ Văn H, sinh năm 1961, ngụ tại phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương vào ngày 01/12/2017, với giá 20.000.000 đồng/1 tháng). Khi đến nơi thì H và Đinh Thị L (còn gọi Vân) ra đón và dẫn vào kho. Xuống hàng xong, H điều khiển xe tải đi chở hàng ở nơi khác để Liễu ở lại lấy tiền về sau. Sau đó, L, T, M kiểm tra chất lượng, cân, tính số lượng bao, xác định trọng lượng là 10.852kg, thành tiền 151.928.000 đồng. Huyền nói bà Liễu về nhà H để ngủ và lấy tiền. bà L đồng ý đi cùng H. Thủy điều khiển xe bán tải số 47C – 121.63 chở H và bà L đi về Bình Phước. Khi đi đến vòng xoay Đ thì H viện cớ có việc nên không về nhà ngủ, kêu Liễu thuê nhà nghỉ ngủ, T trả cho bà L 100.000.000 đồng, thiếu lại 51.928.000 đồng, H nói với L ngày mai giao đậu nành tiếp sẽ trả đủ tiền cho bà L thì L đồng ý xuống xe, H cũng xuống xe bỏ đi, T điều khiển xe về nhà. Còn L và M về nhà của L thuê ở Khu dân cư Hiệp Thành III nghỉ

3.2. Lần thứ hai:

Khoảng 15 giờ ngày 10/01/2018, khi biết L giao hàng, T điều khiển xe bán tải, màu trắng, biển số 47C – 121.63 chở H từ Bình Phước đến khu dân cư Hiệp Thành III, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương để thực hiện việc lấy hàng của chị Liễu.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 10/01/2018, bà L tiếp tục thuê xe tải biển số 93C – 063.70, tài xế tên Phan Đức M (sinh năm 1988, hộ khẩu thường trú: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước) điều khiển chở hơn 27 tấn đậu nành đến kho thuộc ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (kho lần trước đó giao hàng). L (Vân) ra đón, mở kho cho xe tải vào xuống hàng, L, M kiểm tra chất lượng, cân xác định trọng lượng

là 27.128kg, thành tiền 379.790.000 đồng. Do H không có ở kho nên bà L điện thoại và nhắn tin cho Huyền biết số tiền. H nói đang ở huyện B, tỉnh Bình Phước đang chạy về và kêu bà L chờ. Bà Liễu chờ đến 21 giờ 30 phút cùng ngày thì tiếp tục điện thoại cho H thì H nói là xe bị Công an bắt ở Đ nên không về được và kêu bà L đi đến bến xe T tại thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước để nhận số tiền H nợ. Bà L tin tưởng lời nói của H nên cùng với tài xế xe là ông M đi đến bến xe Thành Công, thị xã Đ để lấy tiền.

Khi bà L vừa đi thì L cho 03 xe tải nhỏ vô kho bốc hết đậu nành trong kho lên xe. Bốc gần xong thì Huyền, Thủy đến kho cùng với L, M đi bán đậu nành ngay trong đêm ở Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. L đứng ra bán cho người mua (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 8.200 đồng/kg và đợi đến sáng hôm sau để lấy tiền được hơn 300.000.000 đồng. Sau khi trừ các chi phí T bỏ ra còn lại hơn 200.000.000 đồng, H được chia 50% được khoảng 100.000.000 đồng, còn lại Thủy được 33.000.000 đồng, M, L mỗi người được 35.000.000 đồng.

Còn Liễu đi đến bến xe Thành Công tại thị xã Đ, tỉnh Bình Phước điện thoại liên lạc với H thì H viện nhiều lý do kêu bà L chờ nhiều lần. Bà L chờ hơn 02 giờ, sau đó không liên lạc được với H. Bà L nghi ngờ bị lừa nên cùng tài xế quay lại kho thì thấy kho mở cửa, toàn bộ số đậu nành vừa giao không còn ở kho. Lúc này, Bà L điện thoại liên lạc với ông Vũ Văn H chủ Công ty TNHH MTV H là chủ sở hữu của kho hàng để hỏi thì được biết là kho do Trần Thị M (Thảo) thuê. Liễu liên lạc với M để hỏi thì M nói cho N thuê nên không biết. Sau đó nhiều lần bà Liễu liên lạc với H để lấy tiền nhưng Huyền cắt liên lạc với bà Liễu. Ngày 11/01/2018, bà Liễu đến Công an xã Tân Bình tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Lê Thị Nguyệt Huyền cùng đồng bọn. Đến ngày 08/3/2018, bà L phát hiện Lê Thị Nguyệt H cùng với Nguyễn Hữu T đang mua bán hạt điều tại Công ty TNHH MTV H (249B, khu phố 1B, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương) do Nguyễn Hữu T (sinh năm 1982, hộ khẩu thường trú: phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương) làm chủ (là địa điểm vụ lừa lấy hạt điều của ông Trần Văn H) thì báo Công an xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương để xử lý. Sau khi bị phát hiện mời về Cơ quan Công an làm việc, H trả cho Liễu được 31.720.000 đồng rồi tiếp tục hẹn đến ngày 10/5/2018 trả số tiền còn lại nhưng không trả rồi bỏ trốn.

Kết luận định giá tài sản số: 83/KLHD-ĐGTS ngày 24/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân huyện B kết luận tại thời điểm định giá là tháng 7/2018 xác định: đậu nành phơi khô làm sạch vỏ thành phẩm loại 1 có giá là 14.000 đồng/kg. Như vậy, tổng hai lần bà Liễu giao cho Huyền và đồng bọn (Đinh Thị L (Vân), Nguyễn Hữu T, Trần Thị M (Thảo)) số đậu nành 37.980kg, trị giá 531.720.000 đồng. H trả cho bà L số tiền 131.720.000 đồng. Chiếm đoạt số lượng đậu nành trị giá 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

4. Vụ thứ tư:

Vào ngày 05/02/2018, Trần Thị Đ dùng số điện thoại 0931.317.373 điện thoại cho bà Nguyễn Thị N tự xưng tên là Bé và thỏa thuận mua bán 10 tấn cà phê với giá là 38.000 đồng/kg và yêu cầu bà N chở cà phê xuống Công ty Cổ phần Intimex Mỹ Phước (thuộc lô CN 17, đường D1 – N2, khu công nghiệp Sóng Thần 3, khu 1, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương) để giao hàng bán cho Đào. Khoảng 09 giờ ngày 09/02/2018, Đào sử dụng số điện thoại 0971.840.427 điện thoại cho bà Cao Thị

L là Giám đốc của Công ty TNHH H (địa chỉ: xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để thỏa thuận bán khoảng hơn 9 tấn cà phê và bà L đồng ý mua với giá 37.300 đồng/kg, khi nào giao hàng xong có số liệu sẽ chuyển tiền. Sau đó, bà L nhắn số điện thoại 0971.840.427 cho chị Cao Thị B (sinh năm 1975, hộ khẩu thường trú: xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) là thủ quỹ của Công ty và nói “người này nhập hàng xong là mày chuyển tiền”.

Ngày 09/02/2018, Nguyễn Thị N và Phan Thị Mỹ D hùn tiền mua hàng, thuê xe tải biển số 51C – 830.61, cùng với tài xế Phạm Quốc Đ (sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú: phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước) chở hơn 09 tấn cà phê đến phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Khoảng gần 16 giờ cùng ngày, bà Nguyễn gọi điện thoại cho Đ thì được Đ hướng dẫn chị Nguyễn cho xe đến Công Intimex M để giao hàng. Tại đây, bà Nguyễn gặp Lê Thị Nguyệt H tự xưng là đại diện của Công ty Hiếu Láng thu mua cà phê của bà N, đồng thời nói với bà Nguyễn để Huyền đứng tên (đăng tài) nhập kho hàng của Công ty Intimex vì H là nhân viên Công ty Hiếu L, bà N tin tưởng nên đồng ý. Sau đó, H hướng dẫn xe tải chạy vào Công ty Intimex làm thủ tục nhập kho, chị N, D đi theo. Khi nhập hàng vào kho, H khai tên là Lê Thị H để làm phiếu nhập kho. Sau khi H nhập hàng xong, Đ điện thoại cho bà Cao Thị B để thông báo và yêu cầu bà B thanh toán tiền cho Đ. B gọi điện thoại cho Công ty Intimex kiểm tra thông tin xác nhận hàng đã nhập kho là 9.534kg cà phê nên yêu cầu Đ đưa số tài khoản để chuyển tiền thì Đ đưa số tài khoản của Đ để B chuyển tiền. Bà N thấy nhập hàng không nhận được giấy tờ nhập kho, chỉ nhận được phiếu phân tích hàng, và thấy H bỏ lên xe ô tô biển số 93 dơi sẵn ngoài cổng chạy đi, nghĩ mình bị lừa nên bà N đã vào Công ty Intimex nhờ thông báo cho Công ty H không trả tiền cho Đ đồng thời điện thoại cho Đ để hỏi sự việc. Thấy vậy, để có thời gian nhận tiền từ Công ty H nên Đ đến Công ty Intimex đưa cho bà Nguyễn phiếu cân nhập hàng và nói với bà Nguyễn do trời tối không chuyển tiền được hẹn đến sáng mai (thứ 7 ngày 10/02/2018) Công ty H chuyển tiền sẽ chuyển cho bà Nguyễn. Do sợ không lấy được tiền nên bà Nguyễn không cho Đ đi thì Đ dẫn bà N và bà D đi ăn và thuê nhà nghỉ để ngủ với bà N và bà D. Đến sáng ngày 10/02/2018, Đ viện lý do Công ty H không chuyển tiền và kêu bà Nguyễn về đến thứ hai sẽ chuyển tiền cho bà N. Bà N tin lời Đ nên cùng bà D đi về.

Đối với số tiền Công ty H mua cà phê của Đ, đã được bà Cao Thị B nhờ con của bà L là ông Nguyễn Đức H chuyển tiền cho Đ. Ngày 10/02/2018, ông Hòa đến Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Sacombank – Châu Đức) để chuyển số tiền 330.000.000 đồng từ tài khoản số 050080779779 vào tài khoản ngân hàng số 050055425008 thuộc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh huyện Phú Giáo (Sacombank – Phú Giáo) của Trần Thị Đ vào lúc 08 giờ 08 phút để thanh toán tiền hàng. Đến ngày 12/02/2018, B tiếp tục nhờ ông H đến Sacombank – Châu Đức chuyển tiếp số tiền 25.133.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Sacombank – P của Đ vào lúc 09 giờ 06 phút. Tiền chiếm đoạt được, ngay sau khi nhận được tiền, Đào chuyển khoản trả nợ cho Đinh Thị L 319.000.000 đồng, số tiền còn lại Đào sử dụng cá nhân hết. Sau đó bà N tìm hiểu thì biết được Công ty H đã trả tiền cho Đ vào sáng ngày 10/02/2018 nhưng Đ không trả tiền cho bà N. Ngày 27/02/2018, bà N đến Công an phường P, thành phố T tố giác hành vi của Lê Thị H để xử lý.

Bản Kết luận định giá tài sản số 91/KLTS-TTHS ngày 26/4/2018, Hội đồng định giá tài sản của UBND thành phố Thủ Dầu Một xác định 9.534kg cà phê nhân tại thời điểm ngày 09/02/2018 có giá là 357.525.000 đồng (ba trăm năm mươi bảy triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

5. Vụ thứ năm:

Khoảng ngày 05, 06/3/2018, Đinh Thị L sử dụng số điện thoại 0911.197.991 tự xưng là Vân điện thoại cho Nguyễn Công B (sinh năm: 1976, cư trú: 5/2/11 đường 27, khu phố 9, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) sử dụng số điện thoại 0919.315.009 là người chuyên mua bán nông sản, hỏi mua hạt điều tươi thì Bình nói để B tìm hàng cho. Sau đó, B giới thiệu L cho Trần Thị H là bạn làm ăn với B và cho H số điện thoại của L để H liên hệ bán hạt điều. Sau đó, H giới thiệu cho Trần Văn H (là em trai của H) số điện của L để H liên hệ bán hạt điều tươi.

Để thực hiện việc mua bán, ngày 06/3/2018, Lê Duy K sử dụng số điện thoại 0919.731.068 liên hệ với ông Nguyễn Hữu T (sinh năm 1982, hộ khẩu thường trú: phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương) làm chủ Công ty TNHH MTV Hoàng H tại địa chỉ: số 249B, khu phố 1B, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương (Công ty Hoàng H) thuê sân phơi với giá 12.000.000 đồng/1 tháng, Nguyễn Hữu T chi trả toàn bộ chi phí để thực hiện việc mua bán.

Ngày 08/3/2018, ông Trần Văn H thuê xe tải biển số 70C – 051.95 cùng tài xế chở 21.940 kg hạt điều đến khu vực tỉnh Long An để bán nhưng không bán được. Sau đó, ông H liên hệ với L để bán thì L đồng ý mua với giá 41.000 đồng/kg, kêu H chở hạt điều lên khu vực H viên Nghĩa trang Bình Dương thuộc phường C, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương để xem hàng. Khi đi gần đến nơi, Hào điện thoại cho L thì L cho H số điện thoại 0931.317.373 của Trần Thị Đ (còn gọi là Ngọc) để H liên hệ Đ ra đón nhận hàng. H liên lạc với Đ và được Đ đồng ý mua hướng dẫn tới giao hàng tại Công ty H.

Khi đến Công ty Hoàng H, H được Đ và K ra đón. Sau đó, Đ dẫn H chở hạt điều đi cân và xác định trọng lượng hàng là 21.940kg, giá 41.000đồng/kg, thành tiền là 899.540.000 đồng rồi quay lại Công ty xuống hàng. Khi đang xuống hàng được khoảng một nửa thì Đ, K kiểm tra hàng chệ hạt điều không đạt chất lượng, thâm, ướt và trộn hạt điều nước ngoài rồi Đ nói cho mượn kho phơi hạt điều cho khô và sẽ mua với giá hạt điều khô 44.000đồng/kg nhằm mục đích để chiếm đoạt điều của H. H không đồng ý, kêu bốc hàng lên xe, thì Đ, K không cho công nhân bốc hàng lên và đi chỗ khác. H chờ đến 12 giờ cùng ngày không có người bốc hàng lên xe và Đ đến nói ngày mai đem hạt điều lên bán thêm rồi cân luôn nên Hào để hạt điều ở lại Công ty Hoàng H phơi theo ý của Đ. Lúc này, K cho người xuống hàng và trả ra phơi. Sáng ngày 09/3/2018, H có đến kho xem thì thấy hạt điều vẫn còn phơi và Đ nói hiện tại không có bốc xếp nên chờ đến ngày mai sẽ đóng hàng cân lại và tính tiền.

Đến ngày 10/3/2018, H cùng B, bà H đưa hai xe điều tươi đến Công ty Hoàng H bán cho Đ và L. Sau khi cân và tính tiền xong hai xe điều trên, H nói với Đ, L đem cân số hạt điều đang phơi tại sân để tính tiền nhưng Đ, L không cân, kéo dài thời gian đến tối cùng ngày thì Đ nói không có công nhân bốc xếp, kêu H đến chiều ngày 11/3/2018 đến cân và tính tiền. H tin tưởng Đ nói thật nên tiếp tục để điều ở

sân phơi. Đến tối cùng ngày Đ, L, T, K thuê xe, bốc vác bốc hết điều của H đem về kho của T ở Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Đến 12 giờ ngày 11/3/2018, H đến sân phơi tại Công ty Hoàng Hạc thì không thấy hạt điều nên gọi điện cho L thì L không nghe máy, gọi điện cho Đ thì Đ nói đã đóng hàng chuyển đi, chiều sẽ chuyển trả tiền như giá đã thương lượng. H đợi đến chiều không thấy chuyển tiền thì gọi điện cho Đ và L thì cả hai không nghe máy. Đến ngày 15/3/2018, ông Trần Văn H đến Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bình Dương tố giác hành vi của Trần Thị Đ cùng đồng bọn để xử lý.

Đối với số hàng chiếm đoạt được, T cùng đồng bọn bán cho Trần Thị Y được 683.280.000 đồng, trừ chi phí mua hai xe điều của Hào giá cao và chi phí cho hoạt động mua bán của H, số tiền còn lại là 542.480.000 đồng, do Đ đứng ra trực tiếp giao dịch nên được chia 50% số tiền là 271.240.000 đồng. Còn lại 271.240.000 đồng, T, L, K chia ba mỗi người được 90.413.000 đồng.

Bản Kết luận định giá tài sản ngày 28/6/2019, Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương kết luận: đối với 21.940 kg hạt điều thô tại thời điểm ngày 11/3/2018 có giá trị là 899.540.000 đồng (tám trăm chín mươi chín triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

6. Vụ thứ sáu:

Ngày 24/4/2018, bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú: tổ 6, thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai) là vợ của Trần Đăng Q điện thoại cho người tên Hi ở Đ, tỉnh Bình Phước (không rõ lai lịch cụ thể) để nhờ tìm mối bán điều thì được bà H giới thiệu Trần Thị Đ (Ngọc) có số điện thoại 0931.317.373 để liên hệ. Sau đó, H điện thoại cho Đ thì Đ đặt mua 30 tấn điều và yêu cầu chở đến khu vực Công Xanh thuộc xã T, huyện Bắc T, tỉnh Bình Dương để giao hàng, sau khi giao hàng xong sẽ trả tiền một lần. Sau đó, ông Q rủ ông V hùn vốn thu mua điều bán cho Đ kiếm lời.

Khoảng 21 giờ ngày 26/4/2019, sau khi Q và V thu gom được hơn 33 tấn điều, ông Trần Đăng Quân thuê xe tải biển số 75C – 043.87 chở xuống Bình Dương bán cho Trần Thị Đào. Quân thông báo cho Đào biết để nhận hàng.

Để thực hiện việc mua bán chiếm đoạt hàng của Q và V, Đ thông báo cho Lê Duy K biết thì Kiều điện thoại cho T nói chuẩn bị “ăn” xe điều ở Gia Lai về và nói với Thủy là đang đi tìm kho, khi nào tìm được thì kêu Thủy xuống làm hợp đồng thuê. Khoảng 17 giờ ngày 26/4/2018, Lê Duy K, Đinh Thị L tìm được kho tại địa chỉ: số 383, đường Phạm Ngọc Thạch, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương của ông Vũ Văn Trích (sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú: số 10/17, khu phố Bình Phước B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương). L sử dụng số điện thoại 0979.199.923 điện thoại cho ông Trích liên hệ thuê kho đồng thời kêu Nguyễn Hữu T ký hợp đồng thuê. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 27/4/2018, Thủy điều khiển xe ô tô bán tải màu trắng, biển số 47C – 121.63 của Thủy cùng Kiều, Linh đi xe ô tô riêng biển số 93A - 099.23 từ Bình Phước dẫn đến Bình Dương để thuê kho. Khoảng 9 giờ 27/4/2018, Nguyễn Hữu T ký hợp đồng thuê kho với ông Trích, giá thuê 12.000.000 đồng/1 tháng, cọc 20.000.000 đồng (T chưa trả tiền) để xuống hàng. Đinh Thị L thuê xe tải ở tỉnh Bình Phước xuống, thuê bốc vác ở tỉnh Bình Dương chờ sẵn ở gần kho

để chuyển hàng đi ngay khi xe của V, Q xuống hàng, Nguyễn Hữu T chuẩn bị một ít tiền để trả đưa cho Đ trả cho V, Q.

Khoảng 05 giờ sáng ngày 27/4/2018, Vũ và Q chở hơn 30 tấn hạt điều đến khu vực ngã ba Cổng Xanh theo như đã hẹn. Đến nơi, ông Q gọi điện thoại cho Đ thì Đào nhiều lần kêu chờ có người đến dẫn đi cân hàng. Khoảng 13 - 14 giờ cùng ngày, Đào mới hướng dẫn Vũ đưa xe đến đường Mỹ Phước – Tân Vạn. Kiều điều khiển xe ô tô hiệu Innova Toyota biển số 51F – 046.05 chở Đào, Huyền dẫn đường, Huyền sử dụng số điện thoại 0168.603.9457 liên lạc với Vũ để hướng dẫn xe tải chở hạt điều của Q, V tới trạm cân số 1, thuộc khu phố 5, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương cân hàng xác định trọng lượng. Cân xong, Kiều điều khiển xe ô tô dẫn xe tải của Q, V đến kho thuê sẵn để xuống hàng, H, Đ kiểm tra chất lượng hạt điều để tính tiền. Xuống hàng xong, Đ và H dẫn ông V và ông Q đi cân xe, xác định trọng lượng điều là 33.070 kg, giá 46.800đồng/kg, thành tiền là 1.542.996.000 đồng. Lúc này, Đào mời Quân, Vũ đi ăn ở quán cách kho khoảng 3 – 4km và nói để chờ chồng Đào đem tiền đến trả nhằm kéo dài thời gian để cho Kiều, L, T cho người bốc hàng trong kho chờ đi. V, Q tin tưởng nên cùng với Đào, Huyền đi ăn. Thủy đưa 200.000.000 đồng cho K, L đến quán ăn đưa cho H để H đưa cho Đ trả cho Q và V.

Trong lúc Q và V đi ăn với Đ và H thì Kiều, L, T cho xe tải và bốc xếp hết hàng của ông V, Q lên xe. T khóa cửa kho lại rồi điều khiển xe bán tải, màu trắng, biển số 47C – 121.63 dẫn đường cho xe tải chở điều về kho hàng của Thủy ở Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Đến 19 giờ 56 phút và 19 giờ 58 phút ngày 27/4/2018 thì Đ chuyển 2 lần tổng số tiền 179.800.000 đồng vào tài khoản số 050087058724 của mẹ ông Vũ là bà Huỳnh Thị Đ mở tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín – Đắk Lắk (Sacombank - Đắk Lắk). Sau đó, Đ, H tiếp tục dẫn V, Q đến quán cà phê Vita ở Tòa nhà Becamex, phường P, thành phố T với lý do để chồng Đào rút tiền đem đến trả. V, Q tin tưởng cùng đi uống cà phê đợi đến khoảng 21 giờ cùng ngày không thấy ai đem tiền tới trả. Vũ nghi ngờ bị lừa nên thuê xe taxi quay lại kho hàng thì thấy toàn bộ số hạt điều đã được chuyển đi thì điện thoại báo cho Q. Trong lúc V đi, Đ viện lý do đi vệ sinh rồi bỏ trốn, Quân đi tìm Đào thì Huyền cũng bỏ trốn luôn. V, Q gọi điện cho Đ, Huyền nhưng không ai nghe máy. Đến 22 giờ cùng ngày, V, Q đến Công an phường Phú Mỹ tố giác hành vi của Đào và đồng bọn. Ngày 28/4/2018, V, Q liên lạc với Đ thì Đào có chuyển trả thêm 2 lần tổng số tiền 160.000.000 đồng vào tài khoản của Q số 040067526734 mở tại Ngân hàng Sacombank – Gia Lai. Sau đó cắt liên lạc với V, Q.

Số hạt điều chiếm đoạt được, Thủy, Linh, Kiều bán tại kho của Thủy ở Đồng Xoài, Bình Phước cho bà Trần Thị Yến (Ty) được khoảng hơn 1.480.500.000 đồng. Tiền có được, trừ đi chi phí còn lại 1.019.250.000 đồng, do Đào đứng ra tìm được mỗi hàng và trực tiếp giao dịch nên được chia 50% là 500.000.000 đồng, còn lại Thủy, Kiều, Linh, Huyền mỗi người đều được khoảng 125.000.000 đồng.

Bản kết luận định giá tài sản ngày 28/6/2019 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự của UBND tỉnh Bình Dương kết luận: đối với 33.070 kg hạt điều thô tại thời điểm ngày 27/4/2018 có giá trị là 1.399.952.000 đồng. Như vậy, Đ và đồng bọn (Nguyễn Hữu T, Lê Duy K, Đinh Thị L, Lê Thị Nguyệt H) chiếm đoạt của V, Q số lượng điều trị giá 1.060.152.000 đồng (một tỉ không trăm sáu mươi triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Đối với Lê Thị Nguyệt H và Trần Thị M sau khi phạm tội đã bỏ trốn. Quá trình điều tra chưa bắt được H, M để xử lý nên Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định truy nã số 10 ngày 30/5/2019 và số 13 ngày 30/6/2019 đối với hai bị can trên và ra Quyết định tách vụ án số 08 ngày 30/6/2019 để điều tra. Ngày 01/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương ra Quyết định tạm đình điều tra vụ án hình sự đối với bị can số 07 và Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 17, 18 đối với hai bị can trên. Khi nào bắt được xử lý sau.

Cáo trạng số 24/CT-VKSBD-P1, ngày 29 tháng 8 năm 2019, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố Nguyễn Hữu Thủy, Trần Thị Đào, Đinh Thị Linh, Lê Duy Kiều có lý lịch nêu trên về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Nguyễn Hữu T, Đinh Thị L và Lê Duy K đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử và tuyên phạt Nguyễn Hữu T 13 năm tù; Đinh Thị L 12 năm tù và Lê Duy Kiều 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 27/2020/HSST ngày 14-5-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Đối với Trần Thị Đ ngày 14/02/2020, Hội đồng xét xử đã ra Quyết định Tạm đình chỉ vụ án và áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với bị cáo Trần Thị Đ (theo Kết luận giám định Pháp y tâm thần số :82/KL-VPYTW ngày 14/02/2020 của Viện Pháp y Tâm thần Trung ương Biên Hòa).

Ngày 01/4/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định phục hồi vụ án; đình chỉ biện pháp bắt buộc chữa bệnh, tiếp tục xét xử đối với bị cáo Trần Thị Đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Trần Thị Đ, đánh giá tính chất mức độ phạm tội của bị cáo và đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt : Trần Thị Đào từ 12 đến 14 năm tù;

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Đào về việc bồi thường cho các bị hại Nguyễn Thị Nguyên, Nguyễn Thị Mỹ Dung số tiền 357.525.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Đ trình bày: người bào chữa thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện Kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Đ. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động để gia đình nộp 20.000.000 đồng khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; tại phiên tòa bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt với bị cáo; bị cáo chủ động hợp tác khai báo toàn bộ hành vi phạm tội với cơ quan điều tra; bị cáo là lao động chính trong gia đình đang nuôi 02 con nhỏ (vợ chồng bị cáo đã ly hôn, Tòa án giao cho bị cáo Đ trực tiếp nuôi hai con). Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định hình phạt nhẹ nhất có thể cho bị cáo Đ.

Bị cáo Đ không tranh luận bổ sung; các bị hại không tranh luận chỉ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát không còn ý kiến tranh luận đối đáp khác và giữ nguyên quan điểm truy tố.

Bị cáo trình bày lời nói sau cùng: bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ để các bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai Nguyễn Hữu T, Đinh Thị L, Lê Duy K, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 12/2017 đến tháng 4/2018, Trần Thị Đ, Nguyễn Hữu T, Đinh Thị L, Lê Duy K, Lê Thị Nguyệt H, Trần Thị M có hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản (là nông sản gồm cà phê nhân, hồ tiêu khô, đậu nành khô và hạt điều thô) của các bị hại Đinh Tiến D, Đào Thị H, Châu Thị Quỳnh L, Nguyễn Thị N, Phan Thị Mỹ D, Trần Văn H, Trần Anh V và Trần Đăng Q. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 3.312.717.000 đồng (ba tỉ ba trăm mười hai triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng). Trong đó: Trần Thị Đ tham gia chiếm đoạt của các bị hại Nguyễn Thị Nguyên, Nguyễn Thị Mỹ D, Trần Văn H, Trần Anh V và Trần Đăng Q, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 2.317.217.000 đồng. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, bị cáo biết rõ hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại là trái quy định của pháp luật nhưng vì tham lam, tư lợi nên bị cáo đã bất chấp hậu quả cùng các đối tượng khác thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp công dân được pháp luật bảo. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý, cho thấy thái độ của các bị cáo là xem thường pháp luật. Hiện nay, tình trạng tội phạm xâm hại tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương diễn biến phức tạp, có xu hướng gia tăng, nhiều vụ việc nghiêm trọng xảy ra gây bức xúc trong dư luận xã hội. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo cùng Nguyễn Hữu T, Đinh Thị L, Lê Duy K, Lê Thị Nguyệt H, Trần Thị M thực hiện nhiều lần, các bị cáo chuẩn bị trước tiên để chi phí thuê kho, xe tải, bốc xếp khi các bị hại giao hàng thì tìm mọi

cách tách chủ hàng và hàng hóa của họ ra, sau đó bốc xếp đưa hàng của các bị hại lên xe đưa đi nơi khác tiêu thụ, trốn tránh không trả tiền mua hàng cho các bị hại, bị cáo trả cho bị hại một phần tiền mua hàng hóa nhằm tạo lòng tin với các bị hại. Do vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần xử lý nghiêm nhằm mục đích giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động để chi bị cáo là bà Trần Thị M nộp 20.000.000 đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả cho các bị hại; tại phiên tòa bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 của Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị Nguyên, Nguyễn Thị Mỹ Dung yêu cầu bị cáo Đào bồi thường số tiền 357.525.000 đồng. Bị cáo Trần Thị Đào tự nguyện đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với trách nhiệm dân sự liên quan đến thiệt hại của ông Trần Văn Hào, Trần Anh Vũ và Trần Đăng Q đã được giải quyết tại Bản án số: 27/2020/HSST ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương; quá trình điều tra và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không còn yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Đối với 01 (một) chứng minh nhân dân số 281240817 mang tên Trần Thị Đào, sinh ngày 05/6/1986, là giấy tờ cá nhân nên sẽ trả lại cho bị cáo Trần Thị Đào;

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ, số sê ri MNCUD6LRJY9DLBQS. Số IMEI1: 869604033522219, IMEIL 2: 869604033522201 là phương tiện thực hiện tội phạm nên sẽ tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 05 (năm) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng; 01 (một) xe mô tô Honda SH mode màu đỏ Biển số: 61F-336.50; 01 (một) sợi dây màu vàng có đính hạt màu trắng; 02 (hai) nhẫn kim loại màu vàng, 01 (một) đôi bông tai kim loại màu vàng là tài sản cá nhân của Trần Thị Đ sẽ tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí sơ thẩm: bị cáo Trần Thị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 329, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Về trách nhiệm hình sự: tuyên bố bị cáo Trần Thị Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Trần Thị Đ 12 (mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 01/10/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Trần Thị Đ về việc có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Mỹ D số tiền 357.525.000 (ba trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

4.1 Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với:

- 01 (một) xe mô tô Honda SH mode màu đỏ Biển số: 61F-336.50, số máy JF51E0587920, số khung: RLHJF51300GY227788;

- 05 (năm) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng;

- 01 (một) sợi dây màu vàng mặt đính đá màu trắng là vàng 18K, trọng lượng có đá màu trắng là 04 (bốn) chỉ, 09 (chín) phân, 08 (tám) ly; 01 (một) nhẫn kim loại vàng hình đồng tiền là vàng 24K, trọng lượng 01 (một) chỉ, 05 (năm) phân, 09 (chín) ly; 01 nhẫn kim loại vàng có đính đá đỏ cam là vàng 18K, trọng lượng 01 (một) chỉ, 06 (sáu) phân, 08 (tám) ly; 02 (hai) bông tai hình cầu có đính đá màu đỏ là vàng 18K, trọng lượng 01 (một) chỉ, 04 (bốn) phân, 09 (chín) ly kể cả đá đính kèm (theo Quyết định xử lý vật chứng số 57 ngày 30/8/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Biên bản giao nhận tài sản ngày 30/8/2019 giữa Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bình Dương và Văn phòng Kho bạc Nhà nước Bình Dương, Phiếu nhập kho ngày 10/9/2019).

- Số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng của bà Trần Thị M (nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương theo biên lai thu tiền số 0000093 ngày 13/5/2022).

4.2. *Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước:* 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ, số sê ri MNCUD6LRJY9DLBQS. Số IMEI1: 869604033522219, IMEI2: 869604033522201, tình trạng không còn hoạt động được, không kiểm tra được số sê ri và số Imel (không kiểm tra được tình trạng bên trong máy);

4.3. *Trả lại cho bị cáo Trần Thị Đào:* 01 (một) chứng minh nhân dân số 281240817 mang tên Trần Thị Đào, sinh ngày 05/6/1986, hộ khẩu thường trú: xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/9/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương; Ủy nhiệm chỉ ngày 10/9/2019 giữa Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bình Dương và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương).

5. Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Trần Thị Đ phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 17.876.250 (mười bảy triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Trại Tạm giam - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng (12);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân xã Đ;
- Lưu: VP (2), hồ sơ vụ án, PHT, 30.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sang